

Số: **283** /QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng 03 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính - Marketing**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

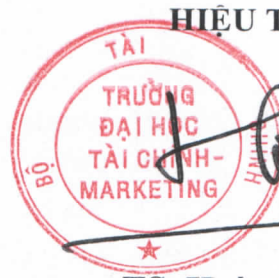
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy từ năm 2017 trở đi của Trường. Những quy định trước đây trái với quy định này không còn hiệu lực thực hiện.

**Điều 3.** Trường khoa đào tạo, Trường các đơn vị có liên quan, giảng viên và sinh viên quy định tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ LĐT&XH, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Thông báo, website;
- Lưu VT, P.QLĐT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Hoàng Đức Long**



## QUY ĐỊNH

### Đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **283** /QĐ-ĐHTCM ngày **06** tháng **03** năm **2018**  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc tổ chức quá trình đào tạo, xét và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing (sau đây gọi tắt là Trường).
2. Văn bản này áp dụng cho các cá nhân, đơn vị thuộc Trường và sinh viên trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc chương trình đại trà và chương trình chất lượng cao của Trường.

### Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: tên ngành, nghề đào tạo; mã ngành, nghề; trình độ đào tạo; đối tượng tuyển sinh; thời gian đào tạo; mục tiêu đào tạo; thời gian khóa học; khối lượng kiến thức toàn khóa học; danh mục và thời lượng các môn học, mô đun; chương trình chi tiết các môn học, mô đun; hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện.
2. Mỗi chương trình gắn với một ngành, nghề hoặc một vài chuyên ngành trong một ngành, nghề theo Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và được cấu trúc từ các môn học/học phần hoặc mô đun: học phần/mô đun chung và học phần/mô đun chuyên môn ngành, nghề.
3. Chương trình môn học/học phần hoặc mô đun (đề cương chi tiết môn học/học phần hoặc mô đun) thể hiện rõ: tên môn học/mô đun; mã môn học/mô đun; thời gian thực hiện môn học/mô đun; vị trí, tính chất của môn học/mô đun; mục tiêu môn học/mô đun; nội dung môn học/mô đun; điều kiện thực hiện môn học/mô đun; nội dung và phương pháp, đánh giá; hướng dẫn thực hiện môn học/mô đun. Chương trình môn học/học phần hoặc mô đun được Hội đồng thẩm định đánh giá, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua cùng với chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.
4. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy của Trường được đào tạo từ 2 – 3 năm với khối lượng của mỗi chương trình tối thiểu 60 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, Tiếng Anh tăng cường, Hoạt động nghiên cứu khoa học, Hoạt động công tác xã hội và nhóm

học phần kỹ năng mềm).

5. Lưu học sinh người nước ngoài được miễn học các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh, Tiếng Anh tăng cường và miễn áp dụng điều kiện tốt nghiệp về chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo nhưng phải chọn học các học phần thay thế có khối lượng tín chỉ tương đương với các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh được quy định trong chương trình đào tạo. Các học phần thay thế được tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

### **Điều 3. Học phần, mô đun và tín chỉ**

1. Học phần và mô đun (gọi chung là học phần) là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần/mô đun có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và được phân bố hợp lý trong một học kỳ. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định, có chương trình môn học/học phần (đề cương chi tiết học phần).

Các học phần/mô đun trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định và được bố trí vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự theo sơ đồ liên hệ môn học/học phần/mô đun nhằm trang bị đầy đủ, trọn vẹn và lô gích các khối kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy cho các chương trình đào tạo ngành, nghề của Trường.

2. Phân loại học phần:

a) Theo cấu trúc chương trình đào tạo:

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn trong danh mục giới hạn các học phần theo hướng dẫn của khoa đào tạo nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn sâu hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình.

b) Theo điều kiện học tập:

- Học phần tương đương và học phần thay thế

+ *Học phần tương đương*: Học phần tương đương đối với học phần A là học phần có nội dung và thời lượng đáp ứng được yêu cầu của học phần A, cụ thể là có nội dung giống nhau từ 80% trở lên và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn,

Hoặc, học phần tương đương được hiểu là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo một khóa – ngành, nghề khác đang tổ chức đào tạo tại Trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành, nghề đào tạo.

+ *Học phần thay thế*: Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một hay một nhóm học phần khác đang tổ chức giảng dạy.

Các học phần tương đương hoặc học phần thay thế do khoa đào tạo phối hợp



với các đơn vị liên quan đề xuất và Hiệu trưởng xem xét quyết định bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc học phần thay thế có thể được áp dụng cho các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một hoặc một số khóa, ngành quy định.

c) Theo tính chất của học phần

- Học phần lý thuyết: là học phần giảng viên và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm khối lượng giảng viên giảng lý thuyết, sinh viên thuyết trình, sửa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm có giảng viên hướng dẫn ...

- Học phần thực hành: là học phần giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thực hành trên máy tính, thực hành mô phỏng, khảo sát thực tế, kiến tập, thực tập, ...

- Học phần kết hợp lý thuyết với thực hành: là học phần có một phần giảng lý thuyết hoặc thuyết giảng của giảng viên; một phần sinh viên làm thực hành, thực tập, khảo sát thực tế ...

3. Điều kiện tham dự một học phần (xác định tại thời điểm đăng ký) được quy định trong chương trình đào tạo. Căn cứ để tham dự một học phần bao gồm:

- Chương trình đào tạo của ngành, nghề;
- Trình tự học tập theo kế hoạch đào tạo và sơ đồ liên hệ môn học/học phần;
- Tiến trình học tập của sinh viên;
- Số tín chỉ tích lũy của sinh viên;
- Điểm trung bình chung tích lũy và hạng học lực của sinh viên.

4. Học phần đặc biệt và học phần dự thính

*Học phần đặc biệt* là học phần không tính vào điểm trung bình chung học tập, điểm trung bình chung tích lũy nhưng sinh viên phải học và có kết quả đạt để có đủ điều kiện tham gia học chính thức các chương trình hoặc đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp. Học phần đặc biệt theo chương trình đào tạo bậc cao đẳng hệ chính quy của Trường tối thiểu bao gồm các học phần: Giáo dục quốc phòng – An ninh, Kỹ năng mềm, Hoạt động nghiên cứu khoa học, Hoạt động Công tác xã hội và Tiếng Anh tăng cường (nếu sinh viên thuộc diện bị điều chỉnh theo quy định về tổ chức giảng dạy, học tập và thi kết thúc học phần Tiếng Anh tăng cường).

*Học phần dự thính* là học phần có trong các chương trình, ngành nghề đào tạo của Trường, sinh viên đăng ký học để tích lũy hoặc mở rộng thêm kiến thức. Học phần dự thính được cấp giấy chứng nhận sau khi hoàn tất ở mức đạt và không được tính vào kết quả học tập, xếp hạng học lực, điều kiện xét tốt nghiệp ở chương trình, ngành nghề sinh viên đăng ký học chính thức.

5. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên.

a) Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở hoặc phòng thực hành, làm khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.



b) Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút. Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

6. Việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp được xác định theo các quy định về chế độ làm việc của Trường.

7. Hình thức tổ chức giờ tín chỉ:

Hình thức tổ chức giờ tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động của giảng viên và sinh viên tương ứng với cách tổ chức chương trình học phần/bài học theo quy định của chương trình môn học/học phần (đề cương chi tiết học phần), trong đó coi trọng năng lực tự học, tự nghiên cứu, thực tập, thực hành, hoạt động thực tế nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức theo yêu cầu của học phần và phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Các hình thức tổ chức giờ tín chỉ như sau:

- Lên lớp: Sinh viên học tập trên lớp thông qua bài giảng, hướng dẫn của giảng viên tại lớp.

- Thực hành, thực tập: Sinh viên học tập thông qua thực hành, thực tập, làm bài tập, đọc và nghiên cứu tài liệu,... dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên.

- Tự học: Sinh viên tự học tập, nghiên cứu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm,... theo kế hoạch, nhiệm vụ, nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra - đánh giá và tích lũy vào kết quả học tập cuối cùng của học phần.

Trong đó, giờ học lý thuyết, giờ thực hành được bố trí vào thời khóa biểu.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường được tính từ 07 giờ đến 21 giờ hàng ngày. Trường quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của Trường theo 3 buổi học như sau: buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 25, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 25, buổi tối từ 18 giờ đến 21 giờ.

Đối với các học phần đặc biệt hoặc các trường hợp đặc thù khác, Trường có thể điều chỉnh giờ học sớm hơn hoặc bố trí giờ học phù hợp với tính chất của học phần và được thông báo trong thời khóa biểu sinh viên. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức giảng dạy và điều kiện của Trường, phòng Quản lý đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp theo từng học kỳ.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí như sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (cả học phần đạt và học phần không đạt), với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần. Điểm trung bình chung



học kỳ được đánh giá theo thang điểm 4.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, A-, B+, B, C+, C, D+, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được (có điểm đánh giá đạt), tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần. Điểm trung bình chung tích lũy được đánh giá theo thang điểm 4 và chữ A, A-, B+, B, C+, C, D+, D.

5. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy bao gồm điểm học phần được bảo lưu và học phần được chuyển điểm nhưng không bao gồm điểm học phần được miễn trừ, học phần đặc biệt và học phần điều kiện.

6. Điểm trung bình dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ/năm học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất và không bao gồm điểm các học phần được bảo lưu, các học phần được chuyển điểm, các học phần học lại và học cải thiện. Điểm trung bình dùng để xét khen thưởng toàn khóa học là điểm trung bình chung tích lũy cho toàn khóa.

7. Điểm trung bình dùng để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học có điểm cao nhất.

## CHƯƠNG II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một ngành, nghề cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học trình độ cao đẳng hệ chính quy ở Trường từ 2 – 3 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hệ chính quy.

b) Một năm học có hai học kỳ chính (gồm có học kỳ đầu và học kỳ cuối), mỗi học kỳ chính có ít nhất 13 tuần thực học; 3 tuần ôn tập và thi kết thúc học phần. Ngoài hai học kỳ chính, Trường xem xét tổ chức thêm một học kỳ phụ (học kỳ giữa) thông qua khảo sát nhu cầu học tập và đề nghị mở lớp học phần của sinh viên, với mục đích cho sinh viên học lại, học cải thiện, học bù hoặc học vượt giúp sinh viên rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ (học kỳ giữa) trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và phải tuân thủ các quy định, quy chế của Trường. Học kỳ phụ (học kỳ giữa) có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này và đảm bảo không vượt quá 02 lần thời gian thiết kế chương trình (tối đa ba năm học).



Các học kỳ được phép tạm dừng học và các học kỳ học ở trường khác trước khi chuyển về Trường (nếu có) đều được tính chung vào thời gian tối đa của khóa học, ngoại trừ các khoảng thời gian như sau:

- a) Sinh viên được điều động đi thực hiện nghĩa vụ an ninh – quốc phòng.
- b) Vì lý do sức khỏe, sinh viên phải dừng học trong thời gian dài để điều trị và có giấy xác nhận khuyết tật theo Luật Người khuyết tật.
- c) Sinh viên bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Trước khi bắt đầu khoá học, Trường công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khoá học, năm học và học kỳ trong từng chương đào tạo. Kế hoạch trong từng khoá học thể hiện ít nhất các nội dung sau: số lượng học kỳ, số lượng học phần, tổng số giảng viên tham gia giảng dạy các học phần và thời điểm dự kiến kết thúc khoá học. Hằng năm, Nhà trường công bố thời gian nghỉ giữa các học kỳ, nghỉ tết và các ngày nghỉ khác theo qui định cho toàn thể sinh viên của Trường. Đầu các học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch và địa điểm đào tạo cụ thể cho kế hoạch đào tạo trong từng học kỳ.

#### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý theo quy định.

2. Sau khi sinh viên đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục nhập học, nộp học phí và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của Trường mới được Trường ký quyết định công nhận là sinh viên chính thức, được biên chế vào lớp sinh viên, được cấp thẻ sinh viên, tài khoản dùng để đăng nhập vào hệ thống thông tin đào tạo của Trường, tài khoản dùng để giao dịch ngân hàng (nếu chưa có) và được bố trí cố vấn học tập.

3. Sinh viên phải hoàn thành mọi thủ tục đăng ký nhập học trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được Trường cung cấp đầy đủ, công khai các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, các quy định có liên quan tới tổ chức đào tạo, đánh giá học tập và công nhận tốt nghiệp, rèn luyện và sinh hoạt, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

#### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học và chuyển đổi các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Trường hợp Trường xác định trúng tuyển theo ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo trong kỳ tuyển sinh thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được Trường sắp xếp vào học theo ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo mà thí sinh đã đăng ký.

2. Trường hợp Trường xác định trúng tuyển theo chỉ tiêu chung toàn trường trong kỳ tuyển sinh, Trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng ngành, nghề hoặc chuyên ngành thuộc từng ngành đào tạo và sinh viên được đăng ký



nguyện vọng chọn ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo của từng ngành, nghề trong các chương trình đào tạo của Trường.

3. Việc xét sinh viên có nguyện vọng vào học các chương trình đào tạo như: chương trình chất lượng cao, chương trình quốc tế hay các chương trình khác của Trường sẽ được thực hiện theo quy định đối với các chương trình đó.

4. Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có nguyện vọng xin chuyển sang ngành, nghề hoặc chuyên ngành khác phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo;

b) Ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo đang học;

c) Sinh viên khi đã được chuyển sang ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo khác thì phải dừng học ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo trước khi chuyển đổi;

d) Việc chuyển đổi ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo phải thực hiện vào trong vòng 03 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới của khoá học;

đ) Sinh viên phải đăng ký học bổ sung các học phần trong chương trình của các ngành nghề hoặc chuyên ngành đào tạo chuyển đến trong trường hợp các học phần này không có trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề hoặc chuyên ngành trước khi chuyển đổi;

e) Sinh viên không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị Nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Việc chuyển đổi ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo phải hoàn thành trước khi bắt đầu học kỳ thứ ba của khoá học;

h) Được Hiệu trưởng đồng ý.

Đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo (theo mẫu), có xác nhận của khoa đào tạo và cố vấn học tập của chương trình học trước khi chuyển đổi, sau đó chuyển cho Phòng Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

5. Việc xếp hạng học lực và năm đào tạo của sinh viên tại chương trình chuyển đến được thực hiện theo Điều 14. Thời gian đã học của chương trình chuyển đi được tính vào thời gian tối đa hoàn thành tiến trình học tập của sinh viên tại Trường theo Điều 6.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Các sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp sinh viên và sau đó là lớp học phần.

1. Lớp sinh viên và cố vấn học tập

a) Lớp sinh viên: được tổ chức cho sinh viên học cùng một chương trình cùng một khoá học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khoá học, tạo điều kiện cho sinh viên



sinh hoạt đoàn thể, tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao; đồng thời để quản lý sinh viên trong quá trình học tập, đánh giá kết quả rèn luyện của mỗi sinh viên. Lớp sinh viên có một tên riêng gắn với ngành/chuyên ngành, khóa đào tạo, được mã hóa theo quy định của Trường. Lớp sinh viên có ban cán sự lớp được bầu cử theo quy định và được Nhà trường bố trí một cố vấn học tập.

b) Cố vấn học tập: đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn bộ khóa đào tạo, là người tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi kết quả học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập.

c) Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của cố vấn học tập được thể hiện trong quy định về công tác sinh viên và quy định về công tác cố vấn học tập của Trường.

## 2. Lớp học phần và điều kiện mở lớp

a) Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký học một học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong một học kỳ, là nơi để Trường theo dõi, quản lý về học tập và ý thức kỷ luật của sinh viên trong giờ học. Mỗi học phần có thể có nhiều lớp học phần, mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng và có ban cán sự lớp do Trường chỉ định.

b) Số lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học / phòng thực hành hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù, tính chất của học phần. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

c) Một lớp học có thể được chia nhỏ thành nhiều nhóm học tập để thực hiện các công việc thực hành, thảo luận; làm tiểu luận và bài tập lớn; đi thực tập hoặc làm khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên (hoặc trợ giảng) hướng dẫn nhóm học tập tham gia đánh giá kết quả học tập đối với nội dung do mình phụ trách.

d) Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ:

+ Học phần lý thuyết hoặc học phần kết hợp lý thuyết với thực hành:

- 30 sinh viên đăng ký: áp dụng cho các học phần tin học, ngoại ngữ và kỹ năng mềm.

- 40 sinh viên đăng ký: áp dụng đối với các học phần còn lại.

Nếu lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu, Trường sẽ hủy lớp học phần. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc mở lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký ít hơn số lượng quy định tối thiểu.

+ Học phần thực hành, thực tập; thực hành nghề nghiệp; khóa luận tốt nghiệp được mở theo khả năng sắp xếp, đảm nhận của khoa đào tạo.



đ) Căn cứ trên quy mô phòng học, giảng đường và nguồn lực giảng viên, Trường quy định số sinh viên tối đa cho từng lớp học phần và thông báo để sinh viên đăng ký học.

## **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

### **1. Lập và thông báo kế hoạch đào tạo:**

Đầu mỗi năm học, Trường thông báo kế hoạch đào tạo cho từng ngành, nghề trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn để đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần. Kế hoạch đào tạo từng năm học được thông báo rộng rãi tới toàn thể giảng viên, cán bộ và sinh viên, bao gồm các thông tin sau:

- Thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, thời gian đăng ký học tập, thời gian thi kết thúc học kỳ, các ngày nghỉ theo quy định, ...

- Danh mục các học phần dự kiến giảng dạy trong mỗi học kỳ, số lớp dự kiến tổ chức cho mỗi học phần.

- Thời khóa biểu các lớp học (được công bố trước thời gian đăng ký học tập của sinh viên).

### **2. Đăng ký học phần:**

a) Đăng ký học phần là quy trình bắt buộc của mỗi sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ mới để tích lũy kiến thức theo qui định của chương trình đào tạo. Sinh viên chọn và đăng ký các học phần, lớp học dự định sẽ học trong kỳ trên website của Trường thông qua tài khoản sinh viên. Trường hợp sinh viên không đăng ký được trên website thì sinh viên trực tiếp liên hệ với phòng Quản lý đào tạo trong thời gian đăng ký học phần để được hướng dẫn đăng ký học phần.

b) Để chuẩn bị đăng ký học tập cho một học kỳ, mỗi sinh viên cần tìm hiểu các thông tin chi tiết về chương trình đào tạo, chương trình môn học/học phần, sơ đồ liên hệ môn học, kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu trong học kỳ, kiểm tra lại kết quả quá trình học tập, khả năng và điều kiện học tập của bản thân, gặp cố vấn học tập để được tư vấn lập kế hoạch học tập cho phù hợp với bản thân.

c) Học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên học theo thời khóa biểu do Trường quy định và được thể hiện trong tài khoản sinh viên. Từ học kỳ thứ hai trở đi, sinh viên đăng ký học các học phần do Trường mở cho từng ngành, nghề hoặc chuyên ngành đào tạo trong mỗi học kỳ.

d) Dựa vào tiến độ đào tạo của chương trình và tính chất đặc thù của học phần, phòng Quản lý đào tạo sẽ đăng ký sẵn một, một số hoặc toàn bộ học phần bắt buộc cho sinh viên theo lớp sinh viên, sinh viên có trách nhiệm vào tài khoản cá nhân để kiểm tra và tự điều chỉnh đăng ký theo nhu cầu.

### **3. Quy trình đăng ký học phần**

*Bước 1:* 2 tháng trước thời điểm bắt đầu học kỳ mới, Phòng Quản lý đào tạo công bố thời khóa biểu cho từng học phần dự kiến sẽ tổ chức đào tạo trong học kỳ. Trong thời hạn và hình thức đăng ký quy định trong thông báo đăng ký học phần, sinh viên đăng ký học các học phần cho học kỳ mới.



*Bước 2:* Phòng Quản lý đào tạo xử lý và công bố kết quả đăng ký học phần cho sinh viên kiểm tra, bổ sung hoặc thay đổi học phần, lớp học phần nhằm hoàn chỉnh thời khóa biểu cá nhân. Việc đăng ký học thêm hoặc đăng ký đổi sang học phần khác khi không có lớp được thực hiện ngay khi có thời khóa biểu cá nhân và kết thúc trước thời điểm bắt đầu học kỳ tối thiểu 2 tuần.

**Lưu ý:**

- Trường sẽ hủy những lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký không phù hợp với quy định về điều kiện mở lớp.

- Trường thông báo các lớp học phần hủy trước khi thông báo thời khóa biểu chính thức.

- Sinh viên có tên trong các lớp học phần bị hủy được Trường chuyển ghép sang các lớp học phần có cùng thời gian học (khác phòng học hoặc khác địa điểm học) hoặc khác thời gian học nếu còn khả năng tiếp nhận. Sinh viên kiểm tra và quyết định giữ hay không giữ lớp học phần. Trường hợp không bố trí được sang các lớp học phần khác thì lớp học phần đó sẽ bị hủy khỏi thời biểu học kỳ.

*Bước 3:* Sinh viên kiểm tra kết quả đăng ký học phần của học kỳ trong tài khoản để đóng học phí. Kết quả đăng ký học phần của mỗi sinh viên có ghi rõ mã số học phần, tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, tên lớp sinh viên, giờ học, số tiền học phí phải nộp.

**Lưu ý:**

- Sinh viên nộp học phí theo học kỳ dựa trên số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ đó, mức học phí/1 tín chỉ của các loại học phần được quy định cho từng năm học và phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước. Học phí sinh viên phải nộp được thông báo trong kết quả đăng ký học phần của từng sinh viên.

- Sinh viên có trách nhiệm nộp đầy đủ học phí đúng thời hạn quy định. Sinh viên không đóng học phí đúng hạn thì xem như không hoàn thành quy trình đăng ký học phần và sẽ bị hủy kết quả đăng ký học phần. Trường hợp sinh viên còn thiếu học phí thì hệ thống sẽ tự động hủy bớt số tín chỉ của học phần bất kỳ đã đăng ký khỏi thời khóa biểu.

4. Khối lượng học tập (không tính các học phần đặc biệt) tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Trong học kỳ phụ (học kỳ giữa), sinh viên đăng ký học phần theo khả năng của mình và điều kiện mở lớp của Trường, Trường không quy định khối lượng học tập tối thiểu.

Đối với những sinh viên có học phần phải học lại, học cải thiện, tổng số tín chỉ của học kỳ bao gồm số tín chỉ của các học phần học lại, học cải thiện và các học phần mới.



5. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập (không tính các học phần đặc biệt) không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

6. Khối lượng học tập dùng để xét học bổng, khen thưởng trong mỗi học kỳ không ít hơn 14 tín chỉ.

7. Trường hợp hạng học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký học phần, trong thời hạn thông báo, sinh viên phải rút bớt học phần trong giới hạn khối lượng quy định. Các học phần rút trong trường hợp này không bị tính học phí. Nếu quá thời hạn quy định mà sinh viên không thực hiện rút bớt học phần thì Trường sẽ cảnh báo sinh viên và điều chỉnh khối lượng học tập của sinh viên. Sinh viên thực hiện thời khóa biểu và khối lượng học tập mà Trường đã điều chỉnh cho sinh viên.

8. Trường hợp sinh viên bị buộc thôi học theo Khoản 2 Điều 16 vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký học phần hoặc đã tham gia học trong học kỳ mới thì được hoàn trả học phí cho các học phần đã đăng ký hoặc tham gia học.

9. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm theo sơ đồ liên hệ môn học/học phần của mỗi chương trình cụ thể và không được đăng ký các học phần đang học hoặc đang chờ kết quả thi.

10. Sinh viên không đăng ký học cho học kỳ kế tiếp phải nộp đơn xin dừng học theo Điều 15 của Quy định này.

11. Sinh viên không đăng ký học trong các học kỳ chính mà không có lý do chính đáng hoặc sự cho phép của Trường thì được coi là nghỉ học không lý do. Sinh viên sẽ bị cảnh báo học tập và xử lý theo quy định về công tác sinh viên của Trường. Sinh viên không đăng ký đủ khối lượng học tập tối thiểu, Nhà trường sẽ khuyến cáo sinh viên và sinh viên chịu trách nhiệm về tiến trình học tập của mình.

### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Trong thời gian cho phép điều chỉnh để hoàn thành đăng ký khối lượng học tập theo thông báo đăng ký học phần, sinh viên được phép rút bớt học phần trước khi Trường thông báo và thông báo thời khóa biểu chính thức học kỳ. Những học phần được giải quyết rút trong thời gian này không bị tính học phí.

2. Sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính nhưng không muộn quá 8 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ giữa nhưng không muộn quá 4 tuần, nếu sinh viên có nhu cầu rút bớt học phần đã đăng ký, phải viết đơn xin rút học phần (theo mẫu) và nộp cho phòng Quản lý đào tạo xem xét giải quyết. Trong trường hợp này, sinh viên vẫn phải đóng học phí cho các học phần đã rút.

Trong tất cả trường hợp còn lại, học phần vẫn được giữ nguyên theo khối lượng đã đăng ký học của sinh viên. Nếu sinh viên không lên lớp học tập, Trường coi như sinh viên tự ý bỏ học; trong trường hợp này, sinh viên vẫn bị tính học phí và nhận điểm 0 (không) của học phần.

3. Trường hợp sinh viên có quyết định nghỉ học tạm thời, Trường sẽ hủy toàn bộ kết quả đăng ký học trong học kỳ đó và xem xét tính học phí cho các học phần



tại thời điểm giải quyết.

4. Điều kiện giải quyết cho sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Lý do chính đáng của sinh viên;
- Điều kiện mở lớp học phần;
- Khối lượng học tập của sinh viên không vi phạm khoản 4 Điều 10.

5. Sinh viên chỉ được phép không đến lớp học tập đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách lớp học phần nhận giấy báo chấp thuận của phòng Quản lý đào tạo và hệ thống quản lý đào tạo (xem tại trang cá nhân sinh viên) xác nhận thông tin học phần đó đã được xóa.

6. Việc tính học phí đối với các học phần giải quyết cho rút được thực hiện theo quy định của Trường.

### **Điều 12. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm và học vượt**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F hoặc F+ phải đăng ký học lại học phần đó trong các học kỳ tiếp theo đến khi đạt điểm A, A-, B, B+, C, C+, D, D+.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F hoặc F+ phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện điểm đối với các học phần bất kỳ đã có kết quả đạt để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm cải thiện được tính vào điểm trung bình chung học kỳ học cải thiện. Kết quả cao nhất trong các lần học của học phần cải thiện sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm của tất cả các lần học được lưu trong hồ sơ học tập của sinh viên.

4. Đối với các học phần có nhu cầu học lại hoặc học cải thiện nhưng không còn trong chương trình đào tạo do chương trình thay đổi, sinh viên gửi đơn (theo mẫu) cho khoa đào tạo đề nghị xem xét thay đổi sang học phần thay thế. Thủ tục đăng ký học lại, học cải thiện điểm được thực hiện tương tự như thủ tục đăng ký học phần mới. Sinh viên có thể đăng ký vào học kỳ mà học phần có mở lớp.

5. Sinh viên được đăng ký học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp khi thoả các điều kiện sau:

a) Học phần dự kiến đăng ký học vượt phải có trong danh mục học phần Nhà trường công bố mở vào học kỳ đăng ký học vượt;

b) Sinh viên được xếp loại học lực bình thường tại thời điểm đăng ký học vượt và đã học ít nhất một học kỳ của khoá học;

c) Đảm bảo điều kiện về sơ đồ liên hệ học phần, môn học;

d) Được sự chấp thuận của cố vấn học tập.

### **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi khoa đào tạo (trong quá trình học), phòng Khảo thí – Quản lý chất lượng (trong đợt thi) trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế Trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.



#### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, sinh viên được xếp loại kết quả học tập như sau:

Xếp loại	Điểm trung bình chung học kỳ (theo thang điểm 4)
Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59
Khá	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình	Từ 2,00 đến 2,49
Yếu	Từ 1,00 đến 1,99
Kém	Dưới 1,00

4. Kết quả học tập trong học kỳ phụ (học kỳ giữa) được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ đầu liền trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực, tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy nhưng không được tính vào xét học bổng, khen thưởng.

5. Sinh viên có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một trong nhiều trường hợp sau:

- a) Bị Nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ được xếp loại kết quả học tập;
- b) Có học phần, môn học trong học kỳ phải thi lại (không tính đến các học phần đặc biệt, học phần bảo lưu, học phần chuyển điểm).

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua phòng Quản lý đào tạo) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang. Sinh viên được giải quyết nghỉ học tạm thời theo thời gian thi hành nghĩa vụ quân sự. Thời gian các học kỳ nghỉ học tạm thời để thi hành nghĩa vụ quân sự không tính vào quỹ thời gian hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận

của cơ quan y tế hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

c) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn.

d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học.

đ) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào quỹ thời gian hoàn thành chương trình đào tạo.

2. Nếu được chấp thuận nghỉ học tạm thời, sinh viên sẽ nhận được quyết định cho phép nghỉ học của Hiệu trưởng. Quyết định ghi rõ thời gian nghỉ học tạm thời.

3. Sinh viên bị buộc nghỉ học tạm thời (tạm ngừng học) một học kỳ ở học kỳ chính tiếp theo nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp.

4. Trong thời gian nghỉ học tạm thời theo quyết định, sinh viên không đăng ký tham gia các hoạt động học tập nào tại Trường.

5. Nếu quá thời hạn nghỉ học tạm thời ghi trong quyết định 30 ngày, xem như sinh viên tự ý bỏ học.

6. Thủ tục để được nghỉ học tạm thời

Sinh viên nộp bảng kết quả học tập, giấy xác nhận không còn nợ học phí của phòng Kế hoạch – Tài chính, đơn xin nghỉ học tạm thời và các giấy tờ hợp lệ khác cho phòng Quản lý đào tạo kiểm tra, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Sinh viên được nghỉ học tạm thời phải liên hệ phòng Quản lý đào tạo để làm thủ tục rút các học phần đã đăng ký học nhưng chưa hoàn thành trong học kỳ xin nghỉ nếu được chấp thuận.

7. Thủ tục xin nhập học trở lại

Sinh viên nghỉ học tạm thời muốn trở lại học tiếp tại Trường phải viết đơn xin nhập học lại gửi Hiệu trưởng (thông qua phòng Quản lý đào tạo) ít nhất là 1 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu, gồm: đơn xin trở lại học tập (theo mẫu) kèm Quyết định nghỉ học tạm thời. Phòng Quản lý đào tạo xem xét và trình Hiệu trưởng ra quyết định cho phép sinh viên trở lại học tập. Sinh viên liên hệ phòng Quản lý đào tạo để được giải quyết đăng ký học phần trước khi bắt đầu học kỳ.

### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, đồng thời là cơ sở xem xét điều kiện buộc thôi học.

Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau:



- a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;
- b) Tự ý bỏ học hoặc không đăng ký học phần mà không có lý do chính đáng hoặc không được sự cho phép của Trường 2 học kỳ chính liên tiếp;
- c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;
- d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường;
- đ) Bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai.

3. Tuỳ theo tiến độ xử lý học vụ và thời điểm vi phạm, việc buộc thôi học sinh viên theo Khoản 2 Điều này có thể được thực hiện trước hoặc trong học kỳ sau học kỳ sinh viên vi phạm.

4. Chậm nhất một tháng sau khi có các quyết định xử lý kết quả học tập và buộc thôi học, Trường sẽ gửi thông báo về gia đình sinh viên bị cảnh báo học tập, bị xử lý kỷ luật; đồng thời gửi về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú các trường hợp sinh viên bị buộc thôi học. Những trường hợp bị buộc thôi học tại điểm a, c khoản 2 của Điều này, sinh viên có thể đề nghị xét chuyển sang học các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình đào tạo thường xuyên tương ứng của Trường và được Trường xem xét bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới.

5. Sinh viên không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị Trường cho thôi học:

- a) Tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định.
- b) Lý do khác nhưng phải kèm minh chứng và được Hiệu trưởng chấp nhận.

6. Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học, tự thôi học sẽ được bảo lưu kết quả các học phần đạt và được chuyển điểm vào các khoá học sau nhưng không quá 5 khoá tuyển sinh liên tiếp từ thời điểm bị buộc thôi học, tự thôi học nếu sinh viên có nhu cầu tham gia tuyển sinh và học lại tại Trường. Trong trường hợp các học phần được bảo lưu và chuyển điểm không có trong chương trình đào tạo hoặc không tương đương với học phần trong khoá đào tạo sinh viên tham gia sau khoá đào tạo bị buộc thôi học, tự thôi học thì sinh viên phải đăng ký theo đúng chương trình đang tham gia học tập tại Trường.

### **Điều 17. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

1. Sinh viên được miễn, giảm, tạm hoãn học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh theo các quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội và các quy định của Trường.

2. Sinh viên được miễn học, miễn thi các học phần trong trường hợp đã được công nhận tốt nghiệp hoặc đã tham gia học tại các chương trình có trình độ tương



đương trở lên, trong đó học phần được miễn đã có điểm đạt yêu cầu, được công nhận tương đương với học phần trong chương trình sinh viên học tại Trường.

3. Sinh viên được miễn học, miễn thi học phần Chính trị thuộc nhóm học phần, môn học chung trong trường hợp đã được công nhận tốt nghiệp hoặc đã tham gia học tại các chương trình có trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

4. Sinh viên các ngành, nghề hoặc chuyên ngành không chuyên ngoại ngữ được miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) thuộc nhóm học phần, môn học chung trong trường hợp đã có bằng tốt nghiệp cử nhân ngoại ngữ bậc cao đẳng, đại học, bằng thạc sỹ, tiến sỹ ngành ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Sinh viên được miễn học, miễn thi học phần Tin học thuộc các học phần, môn học chung trong trường hợp có bằng trung cấp công nghệ thông tin, bằng tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin bậc cao đẳng, đại học, bằng thạc sỹ, tiến sỹ ngành công nghệ thông tin hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào của Trường đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Sinh viên được miễn học, miễn thi học phần Giáo dục thể chất thuộc các học phần, môn học chung trong trường hợp là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; sinh viên trong thời gian học tại Trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành, cấp tỉnh trở lên hoặc đáp ứng các quy định về học phần Giáo dục thể chất của Trường.

7. Sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn học, miễn thi một số học phần hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

8. Bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập

a) Sinh viên được bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập của các học phần đạt yêu cầu từ chương trình đào tạo của Trường, của trường nơi chuyển đến trong trường hợp chuyển trường, của chương trình thứ nhất nếu học cùng lúc hai chương trình, của trường liên kết đào tạo.

b) Thời gian bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm.

9. Sinh viên có nhu cầu miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị Hiệu trưởng (thông qua Phòng Quản lý đào tạo) xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

### **Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai đề khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.



2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành, nghề đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành, nghề đào tạo ở chương trình thứ nhất;

b) Đã kết thúc học kỳ thứ hai của chương trình thứ nhất và không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Có đơn đề nghị được học cùng lúc hai chương trình và được Hiệu trưởng chấp nhận.

3. Người học thuộc diện điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu và chuyển điểm các học phần có kết quả đạt, có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất. Sinh viên không đăng ký học các học phần ở chương trình thứ hai ít nhất 2 học kỳ kể từ khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất (nếu không có lý do chính đáng) sẽ bị xóa tên khỏi danh sách học chương trình thứ hai.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai: sinh viên làm đơn đề nghị học thêm chương trình, nộp cho Phòng Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Thời điểm nộp đơn trước khi bắt đầu học kỳ mới. Nếu được chấp nhận, sinh viên liên hệ với khoa đào tạo chương trình thứ hai để được xác định các học phần cần học bổ sung để hoàn thành yêu cầu của chương trình thứ hai và Phòng Quản lý đào tạo bố trí lớp sinh viên của chương trình thứ hai, giúp sinh viên xây dựng kế hoạch học tập của chương trình thứ hai, sinh viên dựa vào đó để đăng ký học phần.

6. Khi học hai chương trình, các chế độ quyền lợi của sinh viên chỉ được tính đối với chương trình thứ nhất.

### **Điều 19. Chuyển trường**

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng hệ chính quy khác được xét chuyển vào học bậc cao đẳng trường Đại học Tài chính – Marketing nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Có cùng ngành, nghề với ngành, nghề đào tạo tại trường Đại học Tài chính – Marketing;

c) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

d) Sinh viên chuyển đến trường Đại học Tài chính – Marketing phải đạt yêu cầu tuyển sinh hoặc đáp ứng các yêu cầu ở mức tương đương với sinh viên tham gia học các ngành, nghề thuộc trường Đại học Tài chính – Marketing cùng khóa nhập học của sinh viên đề nghị chuyển đến;

đ) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến học bậc cao đẳng của trường Đại học Tài chính – Marketing trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên không đạt yêu cầu tuyển sinh hoặc không đáp ứng các yêu cầu ở mức tương đương với sinh viên tham gia học các ngành, nghề thuộc trường Đại học Tài chính – Marketing cùng khóa nhập học của sinh viên đề nghị chuyển đến;

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trong thời gian điều chỉnh tiến độ học.

3. Thủ tục chuyển đến học bậc cao đẳng của trường Đại học Tài chính – Marketing:

a) Sinh viên chuyển đến phải có hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường xin chuyển đi.

b) Phòng Quản lý đào tạo xử lý hồ sơ, đề xuất Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường Đại học Tài chính – Marketing.

4. Sinh viên chuyển đi khỏi trường Đại học Tài chính – Marketing phải làm đầy đủ các hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Trường.

5. Sinh viên chuyển đi, chuyển đến phải hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí và các khoản đóng góp khác theo quy định.

6. Thời gian tối đa cho sinh viên chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

### **CHƯƠNG III XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 20. Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khoá**

1. Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khoá học là các học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo bậc cao đẳng của Trường. Hằng năm, Trường tổ chức cho sinh viên thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khoá để sinh viên tích lũy đủ kiến thức, kỹ năng theo quy định của chương trình đào tạo và đảm bảo năng lực thực hành nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Trước khi triển khai thực tập nghề nghiệp và làm thực tập tốt nghiệp, sinh viên được thông báo đăng ký thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp, được khoa đào tạo phổ biến kế hoạch, quy định về học phần thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khoá.



2. Điểm thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Trường ban hành quy định cụ thể về tổ chức thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa và cách thức đánh giá thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa cho sinh viên.

4. Giảng viên có học hàm Giáo sư và giảng viên cao cấp hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa không quá 50 sinh viên; Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa không quá 43 sinh viên; giảng viên có trình độ Tiến sĩ và giảng viên chính hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa không quá 38 sinh viên; giảng viên có trình độ Thạc sĩ hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa không quá 30 sinh viên; giảng viên trình độ Cử nhân đại học hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa không quá 25 sinh viên trong mỗi khóa đào tạo. Trường khoa chuyên môn có trách nhiệm xác định chuyên môn đúng, chuyên môn gần của giảng viên để phân công hướng dẫn thực tập theo hướng đảm bảo chất lượng và phù hợp nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo.

### **Điều 21. Chấm thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khóa**

1. Việc chấm thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cuối khóa do khoa đào tạo phân công 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Từng giảng viên chấm thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,25. Điểm đánh giá là điểm trung bình cộng các điểm của từng giảng viên chấm và có xét đến quá trình làm thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa của sinh viên, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được máy tính chuyển thành điểm chữ theo quy định. Kết quả chấm thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa được công bố chậm nhất là 3 tuần kể từ ngày sinh viên nộp báo cáo thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa.

3. Sinh viên có kết quả thực tập nghề nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa bị điểm D, F+, F được xem là không đạt và sinh viên phải đăng ký làm lại thực tập nghề nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa.

### **Điều 22. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Trường xét và công nhận tốt nghiệp bậc cao đẳng hệ chính quy:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị nằm trong danh sách xét buộc thôi học, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Xếp loại kết quả rèn luyện toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

d) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

đ) Thỏa mãn các yêu cầu về điều kiện tốt nghiệp theo quy định về chuẩn đầu ra, điều kiện tốt nghiệp của chương trình đào tạo;



Lưu học sinh người nước ngoài được miễn áp dụng điều kiện tốt nghiệp về chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo.

e) Hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh và học phần Giáo dục thể chất;

Lưu học sinh người nước ngoài được miễn áp dụng điều kiện tốt nghiệp về chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.

g) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sinh viên có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự sau khi tích lũy đủ kiến thức theo qui định của chương trình đào tạo nhưng trước thời điểm xét công nhận tốt nghiệp theo kế hoạch thì Hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét công nhận tốt nghiệp.

3. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4. Trường hợp sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét và công nhận tốt nghiệp để học cải thiện điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên phải làm đơn đề nghị hoãn công nhận tốt nghiệp, nhưng không được vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo khoản 2 Điều 6, gửi phòng Quản lý đào tạo trước tháng xét tốt nghiệp 10 ngày. Sinh viên phải xác định rõ thời hạn hoãn công nhận tốt nghiệp (tính theo học kỳ) trong đơn đề nghị hoãn công nhận tốt nghiệp và chỉ được hoãn công nhận tốt nghiệp tối đa một năm tính từ thời điểm có đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp. Khi hết thời hạn hoãn công nhận tốt nghiệp, Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp vào kỳ xét tốt nghiệp ngay sau thời điểm hết hạn hoãn xét công nhận tốt nghiệp.

5. Hằng năm, Trường dự kiến xét tốt nghiệp cho sinh viên vào các tháng 1, 6 và 10. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo làm ủy viên thường trực hội đồng và các ủy viên là các Trưởng Khoa đào tạo, Trưởng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Thanh tra giáo dục và các đơn vị có liên quan.

6. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

7. Sinh viên hết thời gian đào tạo theo khoản 2 Điều 6 và không thuộc khoản 8 Điều 22 sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

8. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra thông tin cá nhân trong hồ sơ sinh viên, trên hệ thống thông tin đào tạo của Trường và điều chỉnh, bổ sung kịp thời nếu có sai sót hay còn thiếu; hoàn tất thanh toán các khoản nợ, mượn (nếu có) đối với Trường khi có yêu cầu và trước khi xét tốt nghiệp.



## **Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp cho sinh viên học cùng lúc hai chương trình đào tạo được xét theo kết quả học tập các học phần được bảo lưu của chương trình đào tạo thứ nhất và kết quả học tập các học phần được tích lũy trong thời gian học chương trình đào tạo thứ hai.

3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có một học phần, môn học trở lên trong khoá học phải thi lại (không tính các học phần đặc biệt và các học phần dự thính);
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bằng tốt nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên có thể nộp đơn và giấy tờ chứng cứ kèm theo cho Phòng Quản lý đào tạo đề nghị cấp Bản sao bằng tốt nghiệp (sao từ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp). Trong thời gian chờ cấp Bản sao bằng tốt nghiệp, Trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên có nhu cầu.

5. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi tên ngành, nghề và tên chương trình học tập (nếu là chương trình chất lượng cao hay chương trình quốc tế).

6. Hằng năm, Trường dự kiến tổ chức lễ tốt nghiệp vào tháng 1 và tháng 7.

7. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

8. Sinh viên còn nợ học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

9. Trường sẽ ra quyết định xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường đối với những sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp khi hết thời gian tối đa được phép học theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và không thuộc khoản 8 Điều này. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy định này.

## CHƯƠNG IV XỬ LÝ VI PHẠM

### **Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra, làm thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cuối khóa, nếu vi phạm quy định, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

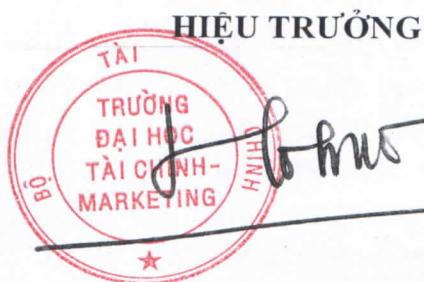
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hệ chính quy, quy định về thi, kiểm tra và các quy định hiện hành khác của Trường.

### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Trường các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm quán triệt Quy định này đến giảng viên, viên chức thuộc đơn vị quản lý. Trường phòng Quản lý đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường quán triệt nội dung của Quy định này đến toàn thể sinh viên của Trường.

2. Trong quá trình thực hiện, những vướng mắc phát sinh cần được phản ánh kịp thời về phòng Quản lý đào tạo. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định do Hiệu trưởng quyết định. *vu*



**TS. Hoàng Đức Long**